

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại
ngành nông nghiệp tỉnh Vinh Long giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 56/TTr-SNN&PTNT ngày 23/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vinh Long giai đoạn 2021-2025.

(Kèm theo Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vinh Long giai đoạn 2021-2025).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT. UB MTTQVN tỉnh;
- Các PCT. UBND tỉnh;
- LĐ VP. UBND tỉnh
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT.4.01.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Liệt

KẾ HOẠCH**Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long
giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Thực hiện Quyết định số 246-QĐ/TU ngày 13/01/2017 của Tỉnh ủy về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu Đề án số 03-ĐA/TU ngày 20/02/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Báo cáo số 26-BC/TU ngày 10/12/2020 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc Tổng kết Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2014-2020;

Thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu chung**

Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, hướng đến phát triển bền vững. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, chất lượng và hiệu quả, giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập trung đẩy mạnh phát triển các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt đối với cây ăn trái, thủy sản, rau màu, lúa; phát triển sản xuất kết hợp du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp; phát triển các hình thức chăn nuôi tập trung đảm bảo yêu cầu về môi trường và an toàn dịch bệnh; hình thành các cơ sở giết mổ chuyên nghiệp hiện đại, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh các hoạt động tổ chức sản xuất, sơ chế, chế biến, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; xây dựng chương trình hỗ trợ, phát triển nhóm sản phẩm nông sản chủ lực và tiềm năng của tỉnh; phát huy vai trò trung tâm của các Hợp tác xã nông nghiệp trong tổ chức sản xuất, kinh doanh nông sản, liên kết sản xuất - tiêu thụ với các doanh nghiệp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến để sản xuất các đảm bảo chất lượng, từng bước đưa Vĩnh Long thành trung tâm sản xuất, mua bán giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản của khu vực.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành nông lâm thủy sản tăng bình quân 2,5%/năm.

Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân 7%/năm.

Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt 30%.

Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương đạt 25%.

Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 20%.

Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8%/năm.

Diện tích nhóm đất nông nghiệp hữu cơ đạt 1,5% trong tổng diện tích đất nông nghiệp.

Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt bình quân 5%/năm.

Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn 42%.

Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo trên 55%.

Trên 80% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

Thu nhập của dân cư nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

II. NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2025

1. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp

Cơ cấu lại theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị thu hoạch trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản; đồng thời giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, thâm canh quy mô lớn có liên kết sản xuất - tiêu thụ. Sử dụng linh hoạt đất lúa để phát triển trồng màu và cây ăn trái. Phát triển các vùng cây ăn trái tập trung, quy mô lớn, chất lượng cao và các loại rau, màu có hiệu quả kinh tế cao ở các vùng có điều kiện, nhất là điều kiện về thủy lợi và nguồn nước. Chuyển đổi cây trồng chịu mặn ở các khu vực bị ảnh hưởng xâm nhập mặn. Kết hợp sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản và phát triển du lịch sinh thái.

Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và giữ ổn định tổng đàn gia cầm, phát triển chăn nuôi heo và bò ở mức hợp lý (tổng đàn heo khoảng 350 ngàn con, tổng đàn bò khoảng 100 ngàn con); đảm bảo hài hòa giữa phát triển chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu phát triển các loài vật nuôi có lợi thế, ít ô nhiễm như ong, chim yến.

Phát huy hiệu quả diện tích nuôi cá tra thâm canh và phát triển các mô hình thủy sản lồng bè, thủy sản có giá trị kinh tế cao (đặc sản). Phát triển mạnh nuôi thủy sản thâm canh và công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, hình thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn.

Tổ chức sản xuất theo hướng an toàn, chất lượng, có liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản, hướng đến hình thành chuỗi sản xuất và chuỗi tiêu thụ, lấy nông dân là trung tâm trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ.

2. Cơ cấu lại trên từng lĩnh vực sản xuất gắn với phát triển sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

a) Lĩnh vực trồng trọt

Tập trung cơ cấu lại mùa vụ theo hướng khuyến khích sử dụng linh hoạt diện tích sản xuất lúa, tăng diện tích trồng màu, cây ăn trái... Dự kiến ổn định diện tích gieo trồng lúa đến năm 2025 giảm còn 140.000-150.000 ha; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ; tăng diện tích màu cả năm lên 60.000-63.000 ha, phát triển theo hướng sử dụng linh hoạt đất lúa; tăng cường hướng dẫn áp dụng GAP, an toàn thực phẩm; tăng diện tích cây lâu năm lên 61.000-63.000 ha, tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm cây ăn trái chủ lực nâng cao chất lượng và liên kết sản xuất, truy xuất nguồn gốc.

Phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái theo nhu cầu thị trường gắn với phát

triển du lịch nông nghiệp.

Giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt tăng bình quân 02-2,5%/năm; đến năm 2025 giá trị thu hoạch trên một ha đất trồng trọt đạt 270 triệu đồng/ha/năm.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp để có điều kiện kiểm soát, đăng ký chăn nuôi và tiêm phòng đầy đủ, theo hình thức an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đạt tiêu chuẩn thực hành chăn nuôi tốt, ứng dụng công nghệ cao, giảm giá thành sản xuất và bảo vệ môi trường. Hình thành các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, xa thành phố, khu dân cư. Phát triển các loại vật nuôi khác có tiềm năng về thị trường như ong, chim yến. Nâng cao chất lượng giống heo. Giữ ổn định tổng đàn đảm bảo theo quy định mật độ chăn nuôi; trong đó, đến 2025 có khoảng 300.000-350.000 con heo, 90.000-100.000 con bò, 09-10 triệu con gia cầm.

Tăng cường công tác phòng chống các loại dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi, cúm gia cầm, lở mồm long móng, tai xanh. Thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ; tăng cường tỷ trọng sản phẩm giết mổ qua hệ thống giết mổ tập trung.

Giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi tăng 1,5-2%/năm.

c) Lĩnh vực thủy sản

Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung; nuôi theo hướng an toàn thực phẩm gắn với tiêu thụ theo chuỗi sản phẩm. Hỗ trợ phát triển cá lồng bè, tập trung phát triển nuôi trồng theo hướng công nghiệp, thâm canh, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và duy trì cân bằng sinh thái; ưu tiên đầu tư phát triển nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao ở vùng có điều kiện thuận lợi. Tăng sản lượng cá tra thâm canh và thủy sản đặc sản. Tổng sản lượng thủy sản đến 2025 đạt 160 ngàn tấn.

Tổ chức lại sản xuất theo mô hình quản lý cộng đồng như hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất VietGAP/ASC và có liên kết sản xuất và tiêu thụ. Phát triển và xây dựng mạng lưới cung ứng giống thủy sản chủ lực, hệ thống cảnh báo và giám sát môi trường, hệ thống quản lý dịch bệnh và thú y thủy sản. Xây dựng, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và nhân rộng các mô hình nuôi thủy sản đặc sản tôm càng xanh, cá lóc, cá hô, trê vàng...

Giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản tăng bình quân 03-3,5%/năm.

d) Phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP

Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng, sản phẩm cộng đồng có lợi thế của tỉnh theo hướng hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác... gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức triển khai Chương trình OCOP trở thành chương trình phát triển kinh tế quan trọng ở khu vực nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân giai đoạn 2021-2025. Phấn đấu đến 2025 toàn tỉnh phát triển mới từ 80 đến 100 sản phẩm OCOP đạt chất lượng 3 sao trở lên; hỗ trợ tạo điều kiện để các chủ thể đầu tư nâng cấp để có từ 2 đến 3 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia. Nghiên cứu, thực hiện kết nối các làng nghề, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP với du lịch để nâng cao giá trị; rà soát, chọn lọc và định hướng phát triển sản phẩm OCOP thành quà tặng du lịch.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát, điều chỉnh, xây dựng chính sách đẩy mạnh chuyển dịch, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp

Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất và tiêu thụ theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện liên kết sản xuất - tiêu thụ trên địa bàn. Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích hộ nông dân tham gia liên kết, trở thành thành viên của hợp tác xã; trọng tâm là khuyến khích các nông hộ liên kết sản xuất hình thành hợp tác xã thông qua hỗ trợ các tài sản không chia như nhà xưởng, trụ sở, cửa hàng...

Xây dựng, ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người sản xuất đạt các tiêu chuẩn an toàn, thực hành nông nghiệp tốt (GAP và tương đương), hữu cơ. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ hộ sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đề xuất chính sách hỗ trợ chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng hỗ trợ các hộ trồng lúa 3 vụ giảm một vụ lúa thực hiện luân canh màu, thủy sản;

Rà soát, bổ sung vào chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tập trung đất đai, phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn (khắc phục nhỏ lẻ, manh mún);

Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển chất thải, rác thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp để xử lý nhằm đảm bảo môi trường sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 173/2019/NQ-HĐND ngày 31/5/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển di lịch đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Đề xuất chính sách khuyến khích phát triển sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh (nhằm thực hiện mục tiêu từng bước đưa Vĩnh Long thành trung tâm sản xuất, mua bán giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản của khu vực).

2. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và tăng cường năng lực quản lý, tổ chức sản xuất gắn với thích ứng biến đổi khí hậu

Tổ chức sản xuất theo hướng sử dụng linh hoạt đất lúa; chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng trên đất lúa để tăng hiệu quả kinh tế và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Tổ chức sản xuất, xây dựng kế hoạch điều chỉnh lịch thời vụ giảm diện tích lúa ở những nơi kém hiệu quả; định hướng cho người dân các giống lúa có khả năng chịu mặn ở những vùng có nguy cơ xâm nhập mặn.

Tăng diện tích màu, chú trọng tăng cường hướng dẫn và áp dụng an toàn thực

phẩm trong sản xuất rau, màu; thực hiện các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt đối với các sản phẩm có đầu ra ổn định. Phát triển sản phẩm khoai lang phục vụ xuất khẩu và chế biến; chú trọng xây dựng mã số vùng trồng, quy trình sản xuất đảm bảo an toàn, phát triển sản phẩm OCOP.

Tăng diện tích cây lâu năm, sử dụng linh hoạt đất lúa cho phát triển cây lâu năm ở nơi có điều kiện và sự đồng thuận trong nhân dân; tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm cây ăn trái chủ lực nâng cao chất lượng và liên kết sản xuất, truy xuất nguồn gốc.

Xây dựng các mô hình thí điểm sản xuất - tiêu thụ lúa gạo tại các huyện, thị gắn với doanh nghiệp. Tạo vùng sản xuất liên kết của doanh nghiệp với nông dân về tiêu thụ lúa gạo theo mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ.

Tạo điều kiện hỗ trợ phát triển đồng thời tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản về chất lượng và dịch bệnh, đảm bảo chất lượng giống phục vụ sản xuất. Tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống nông nghiệp nhận thức đầy đủ về nâng cao việc chọn lọc và nhân giống đạt tiêu chuẩn chất lượng. Tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp có năng lực đầu tư phát triển trong lĩnh vực công tác giống nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện chương trình xã hội hoá công tác giống nông nghiệp và thủy sản theo hướng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng do Nhà nước quy định. Thực hiện các biện pháp ổn định tổ chức và hiệu quả hoạt động các trại giống. Đáp ứng cơ bản nhu cầu giống lúa, cây ăn trái chủ lực, giống thủy sản chủ lực. Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học, nhất là công nghệ sinh học, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi ngày càng đa dạng, phong phú và có nhiều đặc tính sinh học, kinh tế vượt trội so với các giống hiện có.

Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường, xuất nhập khẩu hàng hóa nông lâm thủy sản, thông tin về vùng trồng, diện tích, chủng loại nông sản, dự kiến sản lượng thu hoạch/vụ/năm và dự báo cung cầu một số mặt hàng nông sản chủ lực (rau, hoa, heo,...) để cung cấp thông tin cho người sản xuất nông nghiệp tham khảo khi quyết định sản xuất.

Triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vùng sản xuất nông nghiệp an toàn. Bản đồ số hóa các vùng sản xuất rau, trang trại nuôi gia súc, gia cầm và địa điểm nuôi thủy sản trên địa bàn thành phố phục vụ cho công tác điều tra, quy hoạch và quản lý vùng sản xuất an toàn. Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý dịch bệnh (xây dựng bản đồ dịch tễ quản lý dịch bệnh).

Chủ trì, phối hợp với các ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn.

3. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, phát triển khoa học công nghệ - ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến nông của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng, an toàn, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ khuyến nông, nhất là đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền và đào tạo, tập huấn về khuyến nông; xây dựng và nhân rộng các mô hình, dự án khuyến nông sản xuất theo quy trình an toàn thực phẩm, VietGAP (và tương đương), sản xuất hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Huy động các nguồn vốn đầu tư cho chương trình khuyến nông; tăng cường công tác xã hội hóa khuyến nông để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp... Mỗi năm xây dựng ít nhất 02 mô hình tiêu biểu liên kết sản xuất

và tiêu thụ có áp dụng tiến bộ kỹ thuật làm điểm nhất trong công tác khuyến nông.

Duy trì và mở rộng thực hiện các mô hình hiệu quả; tổ chức sơ kết, đánh giá và nhân rộng các mô hình sản xuất. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về các dự án mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao để khuyến cáo, nhân rộng. Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để từng bước tác động, nâng cao nhận thức của cán bộ khuyến nông, nông dân về nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Thực hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực.

Tổ chức xây dựng mô hình, hướng dẫn kỹ thuật nhằm nâng cao tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao như: nhà lưới, nhà kính, nhà màng trong sản xuất rau, hoa cây kiểng giúp đảm bảo ổn định năng suất, chất lượng cây trồng; các mô hình sản xuất rau thủy canh, mô hình trồng rau, hoa, cây kiểng, cây ăn quả ứng dụng tưới tiết kiệm hòa phân, mô hình khuyến nông đô thị...

Tổ chức xây dựng mô hình, tuyên truyền, vận động người sản xuất nâng cao tỷ lệ ứng dụng các thuốc bảo vệ thực vật sinh học, các loại thiên địch, chế phẩm sinh học trong phòng trừ sinh vật hại cây trồng, góp phần xây dựng nền nông nghiệp hữu cơ, không độc hại và thân thiện với môi trường.

Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ phù hợp ở từng loại cây trồng, vật nuôi; tăng cường áp dụng cơ giới trong sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản. Phát triển các dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp qua các hình thức tư nhân và kinh tế hợp tác.

Tiếp tục thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo các Chương trình, Đề án của Trung ương và của tỉnh. Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

4. Phát triển kinh tế hợp tác, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp

Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã nông nghiệp; hỗ trợ hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường tạo việc làm và nâng thu nhập cho người dân

Xây dựng Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 nhằm phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên địa bàn;

Hỗ trợ hợp tác xã thực hiện các nội dung: tăng tỷ lệ sản phẩm, dịch vụ mà hợp tác xã cung ứng cho thành viên hợp tác xã; đánh giá doanh thu thông qua hợp tác xã; hướng dẫn HTX thực hiện việc phân phối thu nhập chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ; chế độ quản lý tài chính; chế độ kế toán. Qua đó nâng cao năng lực đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ cơ sở vật chất và nhân lực theo quy định.

Tăng cường hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng thành công mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến, hợp tác xã sản xuất - tiêu thụ sản phẩm chủ lực của cấp huyện (bao gồm thực hiện tiêu chí sản xuất của huyện nông thôn mới).

Hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết tập hợp nông dân nhằm học tập và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp (như mô hình các câu lạc bộ khuyến nông, hội quán nông dân, câu lạc bộ ngành hàng...) tạo tiền đề hình thành các HTX nông nghiệp như: lúa giống, lúa chất lượng cao, khoai lang tím nhạt, rau an toàn, cam, bưởi, nhãn, xoài, chôm chôm,... nhằm thu hút nông dân có cùng mục tiêu, sinh hoạt theo các chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật, thị trường,... từ đó thúc đẩy nhu cầu chung tay xây dựng hợp tác xã trong nông dân.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tại địa phương tích cực tuyên truyền vận động nông dân tự nguyện tham gia các hình thức hợp tác liên kết; liên kết sản xuất đối với doanh nghiệp chế biến tiêu thụ; đẩy mạnh hình thành các liên kết trong vùng sản xuất.

5. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển; thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, lĩnh vực và các thành phần kinh tế; cấp huyện tăng tính chủ động tìm kiếm kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, xây dựng vùng sản xuất và phát triển thị trường nông sản của địa phương.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc hỗ trợ, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường đầu tư và cạnh tranh thuận lợi, bình đẳng và minh bạch để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực và thị trường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; đào tạo quản trị doanh nghiệp, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế.

Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ nông nghiệp. Đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao; tăng chế biến từ các phụ phẩm nông nghiệp, tăng giá trị gia tăng. Thu hút, kêu gọi đầu tư vào sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản áp dụng công nghệ cao.

Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu lương thực của tỉnh, hợp tác xã, tổ hợp tác, về công nghệ, quy trình sản xuất, chế biến, đào tạo, xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, tổ chức liên kết với các thương nhân, doanh nghiệp, cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh để hình thành hệ thống thu mua lương thực ổn định phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực.

Nghiên cứu thành lập các câu lạc bộ sản xuất - kinh doanh lúa gạo trong đó doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu làm nòng cốt và thành viên là các thương nhân, các doanh nghiệp chế biến trong hệ thống của doanh nghiệp, các hợp tác xã, các tổ hợp tác sản xuất lúa gạo.

Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với nông dân, nhất là các doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu lương thực với đơn vị đầu mối là hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất lúa gạo.

Triển khai thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 theo định hướng của Trung ương. Thành lập các điểm, cửa hàng trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng; trong đó tập trung đầu tư phát triển hệ thống các chuỗi cửa hàng cung ứng sản phẩm an toàn, sản phẩm OCOP được phân hạng trên toàn tỉnh, đặc biệt ưu tiên tại các điểm du lịch, di tích trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần quảng bá sản phẩm.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng thương mại ở nông thôn:

Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sử dụng tốt các công trình kết cấu hạ tầng đã được đầu tư trong giai đoạn 2010 - 2020 và hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn

các xã, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã được công nhận, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, bảo vệ môi trường cho người dân ở khu vực nông thôn.

Triển khai giải pháp công trình trong Điều chỉnh quy hoạch xây dựng thủy lợi tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện Đề án Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh.

Nâng cấp và xây dựng một số công trình phục vụ sản xuất trồng trọt như: thủy lợi nội đồng theo hướng kiên cố hóa, gia cố bờ bao công bông để tăng diện tích canh tác an toàn ngập lũ, xây dựng cống ngăn mặn, các giải pháp chuyển nước - trữ nước ngọt cho các khu vực ảnh hưởng của xâm nhập mặn, làm đường giao thông, đưa điện ra ruộng, vườn để điện khí hóa và cơ giới hóa nông nghiệp... nhằm tăng năng suất, giảm giá thành, tăng lợi nhuận và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Hệ thống thủy lợi phải đáp ứng được các mục tiêu ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng hiệu quả.

Nghiên cứu thực hiện các mô hình du lịch nông nghiệp. Xây dựng, lồng ghép các nội dung phát triển du lịch với chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển ngành nghề nông thôn, chương trình OCOP.

Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn gắn với cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và sinh thái nông thôn:

- Xây dựng kế hoạch thích ứng biến đổi khí hậu và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung và giải pháp bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình nông thôn mới.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn; triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp để nâng cao ý thức nhân dân trong bảo vệ môi trường nói chung, môi trường nông thôn nói riêng.

7. Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường nông thôn. Thực hiện, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển chất thải, rác thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp để xử lý nhằm đảm bảo môi trường sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Triển khai giải pháp tại Kế hoạch phòng chống thiên tai 2021-2035 và Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050. Đánh giá mức độ tổn thương, thiệt hại do xâm nhập mặn dưới tác động của mực nước biển dâng, biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp thích ứng, bảo đảm sinh kế bền vững cho dân cư tỉnh Vĩnh Long.

Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, giảm phát thải khí nhà kính, đảm bảo vận hành, khai thác có hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước của hệ thống thủy lợi. Nâng cao năng lực quản lý hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất và phòng chống hạn-mặn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) theo chức năng, nhiệm vụ, tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch của sở ngành và địa phương. Trong đó, cần xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các giải pháp cụ thể để tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Kế hoạch này và ***danh mục phân công các nhiệm vụ thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 - nêu trong phụ lục đính kèm***. Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm, đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với tình hình cụ thể và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá, đề xuất danh mục sản phẩm chủ lực phù hợp với từng huyện và xây dựng kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp của địa phương; nghiên cứu lập danh mục các chương trình, đề án, dự án và giao cụ thể cho các đơn vị trực thuộc chủ trì để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp của địa phương theo các nội dung có liên quan; theo dõi, đôn đốc kết quả thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, hội, đoàn thể cấp tỉnh: phối hợp với ngành nông nghiệp cùng các tổ chức chính trị - xã hội tiến hành vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tích cực tham gia vào các tổ chức kinh tế hợp tác, các câu lạc bộ và các hoạt động khuyến nông cũng như tích cực và chủ động chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo định hướng chung của quy hoạch được phê duyệt; phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và chính quyền địa phương tổ chức tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê thực hiện giám sát, đánh giá theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương; trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC: DANH MỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI
NÔNG NGHIỆP TỈNH VINH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Ghi chú
1	Rà soát, điều chỉnh, xây dựng chính sách đẩy mạnh chuyển dịch, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp					
1.1	Tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người sản xuất đạt các tiêu chuẩn an toàn, thực hành nông nghiệp tốt (GAP và tương đương), hữu cơ.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ủy ban nhân dân cấp huyện		2021-2025	Thường xuyên
1.2	Nghị quyết về ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Nghị quyết của Tỉnh ủy	2021	
1.3	Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách trên địa bàn. (hỗ trợ cơ sở vật chất (tài sản không chia), hỗ trợ cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng về làm việc tại HTX, hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi về lãi suất, thực hiện các giải pháp sản xuất an toàn và truy xuất nguồn gốc...)	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh HTX tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Nghị quyết của HĐND tỉnh	2021	
1.4	Rà soát, bổ sung vào chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (bao gồm danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất giống) Đề xuất, tham mưu ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Nghị quyết của HĐND tỉnh	2021-2025 2021	Thường xuyên

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Ghi chú
1.5	Nghị quyết quy định về cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Nghị quyết của HĐND tỉnh	2021	Đã có chủ trương xây dựng NQ
1.6	Rà soát, thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND cấp huyện		2022	Rà soát tham mưu điều chỉnh (nếu có - NQ số 173/2019/NQ-HĐND ngày 31/5/2019)
2	Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và tăng cường năng lực quản lý, tổ chức sản xuất gắn với thích ứng biến đổi khí hậu					
2.1	Quản lý, sử dụng đất nông nghiệp theo đúng quy hoạch được duyệt, đặc biệt là quản lý, chuyển đổi đất chuyên trồng lúa.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND cấp huyện		2021-2025	Thường xuyên
2.2	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	2021	
2.3	Ban hành lịch thời vụ sản xuất cây hàng năm theo hướng thích ứng với xâm nhập mặn	Sở Nông nghiệp và PTNT		Kế hoạch sản xuất hàng năm của Sở NN&PTNT	2021-2025	Thường xuyên, hàng năm
2.4	Kế hoạch hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp liên kết sản xuất tiêu thụ lúa gạo với nông dân.	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Kế hoạch thực hiện của Sở Công thương	2021	
2.5	Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Đề án UBND tỉnh phê duyệt		

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Ghi chú
2.6	Dự án: Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin giá cả thị trường, xuất nhập khẩu nông sản, thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Đã được UBND tỉnh phê duyệt		
2.7	Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, làng nghề, hợp tác xã nông nghiệp, sản phẩm OCOP, các vùng sản xuất tập trung có mã số vùng trồng, sản phẩm đạt GAP, quản lý và truy xuất nguồn gốc...	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Dự án được UBND tỉnh phê duyệt	2022	
3	Thực hiện tốt công tác khuyến nông, phát triển khoa học công nghệ - ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp					
3.1	Chương trình khuyến nông của tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Quyết định ban hành của UBND tỉnh	2021	
3.2	Kế hoạch, dự án khuyến nông hàng năm (theo Chương trình khuyến nông giai đoạn 2021-2025)	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Kế hoạch, Dự án được UBND tỉnh phê duyệt	2021-2025	
3.3	Tham mưu xét duyệt và trình UBND tỉnh các nhiệm vụ có liên quan về Đánh giá sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có lợi thế của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND cấp huyện	Đề tài được nghiệm thu	2022	
3.4	Tham mưu xét duyệt và trình UBND tỉnh các đề tài, dự án, giải pháp và chính sách thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các đề tài, dự án, giải pháp, chính sách...	2021-2025	Thực hiện Thường xuyên
4.	Phát triển kinh tế hợp tác, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp					
4.1	Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển HTX trong nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX	Nghị quyết của Tỉnh ủy được ban hành	2021	

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Ghi chú
4.2	Hỗ trợ, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho các hợp tác xã nhằm nâng cao mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ, liên kết sản xuất-tiêu thụ qua hợp tác xã	UBND cấp huyện	UBND cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX		2021-2025	Thường xuyên
4.3	Hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết tập hợp nông dân nhằm học tập và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp (như mô hình các câu lạc bộ khuyến nông, hội quán nông dân).	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện	Kế hoạch thực hiện của ngành	2021	
5.	Thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản					
5.1	Thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh nói chung, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND cấp huyện		2021-2025	
5.2	Hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Công thương, UBND cấp huyện, các cá nhân/tổ chức		2021	Thường xuyên
5.3	- Đề án “Mỗi xã, phường - một sản phẩm” giai đoạn 2021-2025 (OCOP)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Đề án của UBND tỉnh	2021	
6.	Thực hiện tốt công tác xây dựng nông thôn mới và vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thích ứng biến đổi khí hậu					
6.1	Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Lao động Thương binh và XH	Các sở, ngành, UBND cấp huyện		2021	Khi có triển khai của Trung ương

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Ghi chú
6.2	Rà soát, triển khai thực hiện Đề án xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù Vĩnh Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND cấp huyện		2021	Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2998/QĐ-UBND, ngày 03/11/2020
6.3	Đề án di sản đương đại Mang Thít	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND huyện Mang Thít		2021-2025	
6.4	Tiếp tục xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND cấp huyện			Theo yêu cầu Trung ương
6.5	Đánh giá mức độ tổn thương, thiệt hại do xâm nhập mặn dưới tác động của mực nước biển dâng, biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp thích ứng, bảo đảm sinh kế bền vững cho dân cư tỉnh Vĩnh Long.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp huyện			Nghiên cứu
6.6	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia NTM giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối NTM)	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Kế hoạch của UBND tỉnh	2021	Khi có triển khai của Trung ương
6.7	Đề án nâng cao năng lực quản lý hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất và phòng chống hạn mặn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Đề án được duyệt	2021	
6.8	Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Kế hoạch được duyệt	2021	